

Số: 57/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương
giai đoạn 2026-2030 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035,
giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho

các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 21/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 641/TTr-UBND ngày 17/8/2026; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25/8/2026 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (*đợt 1*) như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030: 2.600.520 triệu đồng.

2. Nội dung phân bổ:

a) Ngân sách cấp tỉnh (30% vốn ngân sách trung ương giao): 780.156 triệu đồng (*phân bổ chi tiết sau khi rà soát, bảo đảm các dự án đáp ứng đúng nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng của Chương trình và đánh giá hiệu quả đầu tư của từng dự án*).

b) Ngân sách cấp xã (70% vốn ngân sách trung ương giao): 1.820.364 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3. Nguồn vốn: Vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Thanh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ: Tài chính,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, DT, Kiên.

CHỦ TỊCH



Hùng

Lò Minh Hùng

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (đợt 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.600.520	
I	Cấp tỉnh (30% tổng vốn ngân sách trung ương)	780.156	
II	Cấp xã (70% tổng vốn ngân sách trung ương)	1.820.364	
1	Xã Mai Sơn	13.249	
2	Xã Đoàn Kết	27.822	
3	Xã Lóng Sập	26.056	
4	Xã Chiềng Sơn	25.614	
5	Xã Tân Yên	23.848	
6	Xã Phù Yên	24.289	
7	Xã Gia Phù	26.056	
8	Xã Tường Hạ	27.822	
9	Xã Mường Cơi	24.731	
10	Xã Mường Bang	26.939	
11	Xã Tân Phong	25.172	
12	Xã Kim Bon	26.056	
13	Xã Suối Tọ	25.614	
14	Xã Chiềng Mai	27.381	
15	Xã Phiêng Păn	31.797	
16	Xã Chiềng Mung	22.523	
17	Xã Phiêng Cầm	28.705	
18	Xã Mường Chanh	22.523	
19	Xã Tà Hộc	25.614	
20	Xã Chiềng Sung	25.172	
21	Xã Thuận Châu	27.380	
22	Xã Nậm Lầu	33.122	
23	Xã Mường É	28.705	
24	Xã Bình Thuận	22.523	
25	Xã Chiềng La	27.381	
26	Xã Mường Bám	26.939	
27	Xã Muối Nọi	29.147	
28	Xã Long Hẹ	26.056	
29	Xã Mường Khiêng	36.213	
30	Xã Co Mạ	32.238	

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026- 2030	Ghi chú
31	Xã Bó Sinh	30.913	
32	Xã Chiềng Khương	29.147	
33	Xã Mường Hung	31.355	
34	Xã Chiềng Khoong	31.355	
35	Xã Mường Lầm	26.497	
36	Xã Nậm Ty	28.705	
37	Xã Sông Mã	25.172	
38	Xã Huổi Một	29.147	
39	Xã Chiềng Sơ	25.614	
40	Xã Vân Hồ	30.472	
41	Xã Tô Múa	26.939	
42	Xã Song Khủa	29.147	
43	Xã Xuân Nha	26.939	
44	Xã Sốp Cộp	32.238	
45	Xã Mường Lạn	27.822	
46	Xã Púng Bính	28.705	
47	Xã Mường Lèo	25.614	
48	Xã Bắc Yên	28.264	
49	Xã Tạ Khoa	25.614	
50	Xã Pắc Ngà	26.939	
51	Xã Chiềng Sại	25.172	
52	Xã Tà Xùa	26.939	
53	Xã Xím Vàng	25.614	
54	Xã Ngọc Chiến	23.406	
55	Xã Mường La	26.056	
56	Xã Chiềng Lao	27.822	
57	Xã Mường Bú	31.355	
58	Xã Chiềng Hoa	30.472	
59	Xã Mường Chiên	26.939	
60	Xã Mường Giôn	26.939	
61	Xã Quỳnh Nhai	26.939	
62	Xã Mường Sại	26.056	
63	Xã Yên Châu	25.614	
64	Xã Chiềng Hặc	28.264	
65	Xã Yên Sơn	26.056	
66	Xã Lóng Phiêng	26.939	
67	Xã Phiêng Khoài	26.497	

